**TỔ: NGỮ VĂN**

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN VĂN – LỚP 11, NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**I. MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

- Đây là đề kiểm tra giữa học kì I nhằm đánh giá năng lực môn Ngữ văn của học sinh lớp 11**.** Đề kiểm tra có thời gian làm bài là 90 phút với cấu trúc hai phần tương ứng với năng lực đọc hiểu và năng lực tạo lập văn bản.

- Đề kiểm tra có mục tiêu đánh giá các năng lực đọc và viết được mô tả trong bảng đặc tả đính kèm. Từ đó xác định căn cứ xếp loại học lực và cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học Học kì I lớp 11 để có biện pháp điều chỉnh thích đáng.

**II. GIỚI HẠN NỘI DUNG KIỂM TRA:** Phần đọc hiểu văn bản, Tạo lập văn bản, Tiếng việt trong bài 1 và 2 ở học kì I, Ngữ văn 11- sách *Kết nối tri thức và cuộc sống.*

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm và Tự luận

- Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

- Không sử dụng tài liệu

**IV. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**A. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kỳ I và cuối kì I môn Ngữ văn, lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
|  | TL |  | TL |  | TL |  | TL |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn hiện đại |  | **4** |  | **2** |  | **1** |  | **1** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một về một tác phẩm truyện. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***10*** | ***15*** | ***25*** | ***0*** | ***20*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**B. Bảng đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá giữa kì I, Ngữ văn, lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được **đề tài,** câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, **nhân vật** trong truyện ngắn  - Nhận biết được **ngôi kể** chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn  - Nhận biết được **điểm nhìn,** sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại.  **Thông hiểu:**  - **Tóm tắt được cốt truyện**  - **Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm**.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn, lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng**:  - **Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.**  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; **liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.** | 4 câu  TL | 2câu TL | 1 câu TL | 1 câu  TL | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một tác phẩm văn học | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm  - Phân tích được những phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm: xây dựng cốt truyện, sáng tạo tình huống, đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn, giọng điệu…  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được giá trị của tác phẩm  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 | **40** |
| **Tổng số câu** | | |  | **4+1\*** | **2+1\*** | **1+1\*** | **1+1\*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ NGỮ VĂN**  ***(****Đề có 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ Văn 11**  Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian phát đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

*… “Chị vừa lẩm bẩm, vừa dập lửa rồi bắc cái nồi ở trên bếp xuống, lấy một cái vỏ trai múc vào mấy cái bát sành sứt mẻ tứ tung, đặt ngay trên mặt đất. Thằng cu Bé vội vàng lê xích lại gần, hai mắt lóng lánh đổ dồn cả vào mấy bát “chè” màu nâu đục, khói bốc lên nghi ngút. Mồm nó nuốt nước bọt ừng ực, mũi nó nở hẳn ra như để hít lấy hương vị của khói chè ngon ngọt. Chị đĩ Chuột phải đưa tay cản nó lại, sợ nó sà vào mà bị bỏng. Chị bảo nó:*

*- Còn nóng lắm, chưa ăn được. Con ra vườn gọi chị về cho chị ăn với không có phải tội chết, nó làm quần quật từ sáng tới giờ mà chưa được tí gì vào bụng.*

*Không đợi đến hai tiếng, chị Gái hớn hở chạy về, lôi thôi lếch thếch trong mấy mảnh giẻ rách tả tơi, vừa đến bếp nó đã reo lên:*

*- Sướng quá! Lại được ăn chè kia chứ! Có ngọt không bu? Bu lấy đâu được mật mà lại nấu chè thế?*

*Chị Chuột mắng yêu con:*

*- Úi chà! Tíu tít như con mẹ dại ấy! Tha hồ ăn đến chán chê, chỉ sợ không sao nuốt được thôi, con ạ.*

*Rồi chị bảo thằng cu Bé:*

*- Bé lại đây, bu cho ăn.*

*Thằng cu ngồi xổm bên mẹ, hấc mặt lên, há hốc mồm ra như con chim non đợi mẹ mớm mồi. Một miếng vào mồm, nó đã vội nuốt thỏm đi, khen “ngon quá”. Nhưng chưa kịp ăn miếng nữa, nó đã oẹ một cái, mũi đỏ lên, nước mắt ứa ra giàn giụa.*

*- Sao thế?*

*Nó chỉ hụ hị nhìn mẹ mà không nói, cũng không chịu há mồm ăn nữa. Cái Gái nhìn mẹ, xêu một miếng chè nữa ăn thử lại:*

*- Nhạt quá, bu ạ.*

*Chị Chuột mắng con:*

*- Làm gì có nhiều mật mà ngọt. Có mà ăn cho no bụng là phúc rồi.*

*Thằng cu chừng đói quá không chịu được, lại há mồm ra. Mẹ nó đút cho nó một xêu nhỏ nữa. Nó nhắm mắt, duỗi cổ, cố nuốt cho trôi. Nhưng cũng như lần trước, nó lại oẹ ra, và khóc oà lên. Chị đĩ Chuột lấy tay áo lau nước mắt không cầm nổi đã trào ra hai má hõm xanh bùng như người ngã nước. Cái Gái lấy ngón tay di một cục “chè”. Rồi bỗng nói to lên:*

*- À! Con biết rồi! Không phải chè, cám mà! Cám nâu mà bu bảo chè!*

*Nhưng mẹ nó đưa mắt nhìn nó, lấy ngón tay chỉ ra phía nhà ngoài nói khẽ, nhưng hơi gắt:*

*- Khe khẽ cái mồm một tí! Réo mãi lên, thằng bố mày nó nghe thì nó chết. Nó đã ốm nằm đấy, thuốc không có, mà còn bực mình thì nó chết.*

*Rồi hai mẹ con lẳng lặng ăn, cố nuốt những bát cám đặc khè cho đỡ đói. Thằng cu nhất định không chịu ăn, ngồi khóc ti tỉ đòi cơm. Chị đĩ Chuột đành dỗ nó:*

*- Thôi nín ngay, bu ăn xong bu xin thầy cho một miếng mà ăn.*

*Chị bế con rón rén bước vào chỗ chõng nằm. Thằng bé vẫn sụt sịt. Anh đĩ Chuột giở mình, hơi nghiêng mặt quay ra. Một làn ánh sáng mờ lướt qua làm cho cái mặt hốc hác và màu da đã xanh lại càng xanh thêm. Mái tóc dài quá xoà xuống tai và cổ, hai con mắt ngơ ngác và lờ đờ, những chiếc răng dài và thưa ở cái mồm hé ra để cho dễ thở khiến anh có cái vẻ dễ sợ của con ma đói. Thấy vợ con, anh cố gượng nhếch miệng cố gượng một cái cười méo xệch và vừa thở phều phào vừa hỏi bằng một thứ tiếng yếu ớt như từ thế giới bên kia đưa lại:*

*- Nó làm sao thế?*

*Chị đĩ Chuột xốc con lên một cái:*

*- Nó vòi đấy chứ có làm sao? Cơm gạo đỏ không chịu ăn, đòi ăn cơm trắng của thầy cơ.*

*- Thì lấy cho nó ăn, tôi ăn làm sao hết?*

*Chị đĩ Chuột lấy liễn cơm chực moi cho con một ít. Nhưng anh bảo:*

*- Mang cả ra cho nó ăn, tôi không ăn nữa đâu. Còn bao nhiêu vét cho cái Gái với bu em ăn hết đi, để nó thiu ra đấy.*

*Chị đĩ Chuột cười, bảo chồng:*

*- Thằng cu nó dở người, chứ mẹ con tôi ăn cơm đỏ đã no rồi, ăn vào đâu được nữa?*

*Anh biết vợ nói dối, chực nói, nhưng lại thôi, buồn rầu buông một tiếng thở dài. Vợ lo ngại hỏi:*

*- Bây giờ người thế nào, để tôi kể với ông thầy lang lấy thuốc.*

*- Tiền đâu mà thuốc thang mãi?*

*- Tôi vừa bán con chó mực với hai buồng chuối non được bốn hào.*

*Chồng nhìn vợ, ngẫm nghĩ một chút rồi bảo:*

*- Đừng lấy thuốc nữa, tôi sắp khoẻ rồi, chỉ ăn cho nó khoẻ lên chắc bệnh phải hết. Bu em đong cho tôi cả bốn hào gạo đỏ, đừng đong gạo trắng ăn nhạt lắm”…*

(Trích *Nghèo –* Tuyển tập Nam Cao, NXB Hội nhà văn, 1993)

**Câu 1. *(0,5 điểm)*** Văn bản trên viết về đề tài gì?

**Câu 2. *(0,5 điểm)*** Nhân vật chính trong văn bản là ai?

**Câu 3. *(0,5 điểm)*** Trong văn bản, người kể chuyện ở ngôi kể thứ mấy?

**Câu 4. *(0,5 điểm)*** Văn bản trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

**Câu 5. *(1,0 điểm)*** Nêu nội dung chính của văn bản.

**Câu 6. *(1,5 điểm)*** Câu nói của anh đĩ Chuột ***“****Đừng lấy thuốc nữa, tôi sắp khoẻ rồi, chỉ ăn cho nó khoẻ lên chắc bệnh phải hết. Bu em đong cho tôi cả bốn hào gạo đỏ, đừng đong gạo trắng ăn nhạt lắm.”* có ẩn ý gì?

**Câu 7. *(1,0 điểm)*** Nhận xét của anh/chị về nhân vật chị đĩ Chuột.

**Câu 8[.](https://vietjack.online/cau-hoi/594332/trong-doan-trich-bien-phap-nghe-thuat-nao-khong-su-dung-de-khac-hoa-tinh-cach-nhan-vat) *[(0,5 điểm)](https://vietjack.online/cau-hoi/594332/trong-doan-trich-bien-phap-nghe-thuat-nao-khong-su-dung-de-khac-hoa-tinh-cach-nhan-vat)*** [Qua văn bản trên, anh/chị hiểu gì về số phận người nông dân trước Cách mạng Tháng 8/1945?](https://vietjack.online/cau-hoi/594332/trong-doan-trich-bien-phap-nghe-thuat-nao-khong-su-dung-de-khac-hoa-tinh-cach-nhan-vat)

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về cách chọn đề tài, chủ đề, ngôn ngữ, giọng điệu trong truyện ngắn *Nghèo* của Nam Cao.

**………………………….Hết…………………………**

*(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)*

**TỔ: NGỮ VĂN**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Môn: Ngữ Văn 11. Năm học 2023 - 2024**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Đề tài: người nông dân | 0,5 |
| **2** | Nhân vật chính: Chị đĩ Chuột | 0,5 |
| **3** | Ngôi thứ ba | 0,5 |
| **4** | Từ điểm nhìn nhân vật chị đĩ Chuột | 0,5 |
| **5** | Hiện thực cuộc sống của người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám và tấm lòng nhân đạo của nhà văn Nam Cao. | 1,0 |
| **6** | + Muốn vợ con không phải bận tâm, lo lắng cho mình.  + Nỗi khổ tâm của người chồng khi không làm được gì cho vợ con.  + Đưa câu chuyện chuyển sang 1 hướng khác.  *- Trả lời được 1 ý: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 2 ý trở lên: 1,5 điểm*  *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa* | 1,5 |
| **7** | + Người vợ có trách nhiệm với gia đình.  + Luôn hy sinh cho chồng, con.  *- Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 2 ý : 1,0 điểm*  *HS trả lời tương đương vẫn cho điểm tối đa* | 1,0 |
| **8** | + Cuộc sống của họ nghèo khổ về vật chất, tinh thần lẫn thể xác.  + Họ đều là những con người có phẩm chất cao quý, tốt đẹp.  *- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm*  *- Trả lời được 2 ý trở lên: 0,5 điểm*  *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa* | 0,5 |
|
|
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | Viết bài văn nghị luận về cách chọn đề tài, chủ đề, ngôn ngữ, giọng điệu trong truyện ngắn *Nghèo* của nhà văn Nam Cao. |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc:*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề*  Cách chọn đề tài, chủ đề, ngôn ngữ, giọng điệu trong truyện ngắn *Nghèo* của nhà văn Nam Cao. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  **-** Tác giả Nam Cao là đại diện ưu tú nhất cho trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 – 1945 với quan điểm nghệ thuật phải gắn liền với hiện thực, phải “vị nhân sinh”.   * - Qua truyện ngắn *Nghèo*, Nam Cao đã tái hiện lại 1 bức tranh hiện thực về sự đói nghèo của người nông dân trước Cách mạng Tháng tám 1945. * **\* Trong cách chọn đề tài, chủ đề:**   - Nam Cao miêu tả cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh cuộc sống hàng ngày, từ đó đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn: vấn đề miếng ăn. Cũng viết về đề tài người dân thấp cổ bé họng trong xã hội ngày xưa, nhưng trong tác phẩm không chỉ miêu tả cái đói đơn thuần mà còn ẩn sâu là những đức tính của con người, của xã hội và đồng thời còn bộc lộ thái độ, tình cảm của chính tác giả với số phận con người lúc bấy giờ.  →Nam Cao đã phản ánh chân thực cuộc sống khốn khổ, bần cùng của người nông dân trước cách mạng, ông cảm thông, thương xót trước nỗi cơ cực của họ.  **\* Trong ngôn ngữ, giọng điệu:**  - Ngôn ngữ:  + Trong truyện có sự hòa quyện giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, có sự chuyển hóa, trao đổi từ ngôn ngữ người kể chuyện sang ngôn ngữ nhân vật.  + Ngôn ngữ đối thoại mang đầy chất văn xuôi đời thường, ngoài việc thực hiện chức năng tự sự còn là để khắc họa tính cách, nội tâm nhân vật.   * - Giọng điệu: * + Trong giọng điệu buồn thương da diết của Nam Cao luôn chứa đựng những suy ngẫm triết lý sâu xa về cuộc đời, về con người. * + Trong truyện, ta còn bắt gặp một giọng điệu có sắc thái tưởng chừng đối lập nhau: giọng khách quan lạnh lùng, tàn nhẫn bên ngoài mà cảm thông, thương xót bên trong. * \* Bài viết cần có dẫn chứng cụ thể.   *\*Hướng dẫn chấm:*  *- Viết đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm – 2,5 điểm.*  *- Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ: 1,25 điểm - 1,75 điểm.*  *- Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.* | 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |